TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẬP** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20/6/2024
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đức Hải

2. Bà Hà Thị Mơ

- *Thư ký phiên toà*: Ông Nguyễn Xuân Huy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh P.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh P tham gia phiên tòa*: Ông Hoàng Liên Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 20/6/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2024/TLST- HNGĐ ngày 09/4/2024 về việc "Tranh chấp Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm N, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 82, tổ 16, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Bị đơn: Anh Hoàng Minh Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu 2 (Nay là khu 7), xã X, huyện Y, tỉnh P.

(Chị T và anh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Đặng Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng Minh Đ có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 27/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh P trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau kết hôn, hai vợ chồng về chung sống với nhau tại phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc trong khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, vợ chồng hay cãi nhau, đánh nhau. Chị và anh Đ đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh Hoàng Minh Đ.

Về con chung: Chị và anh Hoàng Minh Đ có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Ánh N, sinh ngày 10/12/2010. Khi ly hôn chị T xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và không đề nghị anh Hoàng Minh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phía anh Hoàng Minh Đ có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nhưng trong lời khai thể hiện quan điểm của mình như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với lời khai của chị T về việc tự nguyện kết hôn, thời điểm kết hôn cũng như mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng như chị T trình bày là đúng. Anh và chị T đã sống ly thân với nhau, không ai còn quan tâm đến ai nữa nên chị T đề nghị ly hôn với anh thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Anh và chị Đặng Thị T có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Ánh N, sinh ngày 10/12/2010. Khi ly hôn anh Hoàng Minh Đ có quan điểm tôn trọng quyết định của cháu Nguyệt, nếu cháu muốn ở với ai anh sẽ tôn trọng nguyện vọng của cháu.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Anh Hoàng Minh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng cũng như việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ của người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điều 55; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị T và anh Hoàng Minh Đ.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Thị Ánh N, sinh ngày 10/12/2010 cho chị Đặng Thị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Anh Hoàng Minh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Đặng Thị T vì chị T tự nguyện không yêu cầu.

Không ai được cản trở quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Hoàng Minh Đ được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa chị Đặng Thị T và anh Hoàng Minh Đ. Bị đơn là anh Hoàng Minh Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 02, xã X, huyện Y, tỉnh P. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh P.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Đặng Thị T và anh Hoàng Minh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Đặng Thị T và anh Hoàng Minh Đ là phù hợp.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Hoàng Minh Đ có đăng ký kết hôn với nhau ngày với nhau vào ngày 27/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh P, hai bên tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc trong khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn qua xác minh tại chính quyền địa phương và bản thân chị T và anh Đ cũng xác định trong cuộc sống vợ chồng của anh, chị phát sinh những mâu thuẫn, cãi vã không thể hòa giải, hàn gắn được dẫn đến việc vợ chồng đã ly thân không ai quan tâm đến ai nữa. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị T và anh Đ mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Đặng Thị T đề nghị ly hôn với anh Hoàng Minh Đ là có căn cứ. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Đặng Thị T và anh Hoàng Minh Đ đều nhất trí thuận tình ly hôn. Do vậy, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị T và anh Hoàng Minh Đ là phù hợp.

Về con chung: Chị Đặng Thị T và anh Hoàng Minh Đ có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Ánh N, sinh ngày 12/10/2010. Khi ly hôn chị T đề nghị được trực triếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyệt còn phía anh Đ có quan điểm nếu cháu Nguyệt có nguyện vọng ở với ai thì anh hoàn toàn tôn trọng quyết định của cháu Nguyệt. Xét thấy, nguyện vọng của chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N. Hơn nữa cháu là con gái có nguyện vọng được ở với mẹ vì vậy, cần giao cháu Hoàng Thị Ánh N cho chị Đặng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Hoàng Minh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đặng Thị T vì chị Đặng Thị T tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình: Chị Đặng Thị T và anh Hoàng Minh Đ không đề nghị Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đặng Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Anh Hoàng Minh Đ là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 55; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 và khoản 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị T và anh Hoàng Minh Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Thị Ánh N, sinh ngày 10/12/2010 cho chị Đặng Thị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Anh Hoàng Minh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đặng Thị T vì chị T tự nguyện không yêu cầu.

Không ai được cản trở quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006395 ngày 09/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh P. Chị Đặng Thị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh Hoàng Minh Đ được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị T và anh Hoàng Minh Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã X, huyện Y;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Trang